

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-02-2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm.

Ông Trần Thanh Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 428/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST – DS ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Hữu M, sinh năm 1963. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là TDP H, phường T, thị xã C, tỉnh Bắc Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2024 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Hữu M kết hôn với nhau vào năm 1985, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn ông bà có về chung sống cùng nhau ngay tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên ông bà không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống không có hạnh phúc, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không còn ai quan tâm đến ai, không ai liên lạc với ai. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên tôi đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với ông Lê Hữu M.

- Về con chung: Vợ chồng bà có ba con chung là Lê Văn H1, sinh ngày 10/8 năm 1987, Lê Quốc T, sinh ngày 19/12 năm 1991, Lê Thị L, sinh ngày 06/7 năm 1996. Hiện nay, các con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Hữu M vắng mặt không có lý do. Ông Lê Hữu M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy báo; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông M không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của ông M được.

Tại biên bản xác minh ngày 26/11/2024 đối với bà Trần Thị Hà T1 - Cán bộ văn phòng UBND xã T (nay là UBND phường T) trình bày: Qua tra cứu sổ sách cũng như hệ thống của UBND xã T thì sổ sách lưu trữ năm 1983 đến 1986 hiện đã không còn lưu trữ tại UBND xã nên không thể xác định được vào khoảng thời gian từ năm 1983 đến năm 1986 ông Lê Hữu M và bà Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T hay không.

Tại biên bản xác minh ngày 26/11/2024 đối với ông Nguyễn Hải Đ, trưởng thôn Hựu, xã T (nay là TDP H, phường T) cung cấp: Ông Lê Hữu M và bà Nguyễn Thị H là công dân của thôn chưa chuyển đi đâu. Vào khoảng năm 1985 ông M và bà

H có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, sau khi cưới thì ông M và bà H có về chung sống cùng nhau ngay tại thôn. Quá trình chung sống ông M và bà H có ba người con. Đến khoảng năm 2021 ông M và bà H có xảy ra mâu thuẫn và có báo chính quyền thôn để giải quyết. Chính quyền địa phương có tiến hành hòa giải cho ông M bà H nhưng không được mâu thuẫn giữa ông M bà H vẫn tiếp diễn. Cụ thể mâu thuẫn như nào thì ban quản lý thôn không nắm được. Hiện nay, ông M vắng mặt tại địa phương đang đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về thôn, ông M về một hai ngày rồi lại đi ngay. Ông M hiện đang đi đâu làm gì thì ban quản lý thôn không nắm được vì khi đi ông M không thông báo cho chính quyền thôn được biết.

Tại biên bản xác minh ngày 26/11/2024 đối với ông Lê Văn Đ1 - Phó trưởng công an xã T (nay là Công an phường T) cung cấp: Ông Lê Hữu M, sinh năm 1963 hiện nay vẫn đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã T chưa chuyển đi đâu. Hiện nay, ông M vắng mặt tại địa phương đang đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về địa phương. Ông M hiện đang đi đâu làm gì thì công an xã T không nắm được vì khi đi ông M không thông báo cho Công an xã được biết.

Tại Công văn số 4150/QLXNC ngày 10/12/2024 của Phòng Q, Công an tỉnh B về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh cung cấp: Qua tra cứu thông tin dữ liệu ông Lê Hữu M, sinh năm 1963, địa chỉ: thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang có số CCCD 034063021549 hiện không có thông tin cấp hộ chiếu và thông tin xuất nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Hữu M vắng mặt lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228,

Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Hữu M.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Hữu M. Bị đơn ông Lê Hữu M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, thị xã C, tỉnh Bắc Giang (nay là TDP H, phường T, thị xã C, tỉnh Bắc Giang).

Bà Nguyễn Thị H trình bày ông M và bà H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, người con lớn nhất của ông Lê Hữu M và bà Nguyễn Thị H là anh Lê Văn H1, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1987. Tại biên bản xác minh đối với chính quyền thôn, ban quản lý thôn cũng xác định bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu M có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau tại thôn từ năm 1985. Do vậy, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985, trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà không có đăng ký kết hôn, nên trường hợp của bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu M được xác định là hôn nhân thực tế, quan hệ hôn nhân được công nhận kể từ ngày các bên xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì “Trong trường

hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Hữu M vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu M.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định pháp luật trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà không có đăng ký kết hôn, nên trường hợp của bà H và ông M được xác định là hôn nhân thực tế, quan hệ hôn nhân được công nhận kể từ ngày các bên xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng. Qua lời trình bày của đương sự thể hiện, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Sau khi ly thân không ai còn quan tâm thăm hỏi nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông M là có thật. Sau khi thụ lý vụ án bà H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nữa. mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Hữu M.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Hữu M phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu M có ba con chung là Lê Văn H1, sinh ngày 10/8 năm 1987, Lê Quốc T, sinh ngày 19/12 năm 1991, Lê Thị L, sinh ngày 06/7 năm 1996. Hiện nay, các con đã trưởng thành trên 18 tuổi tự lao động

nuôi sống được bản thân nên bà H không yêu cầu tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về con chung.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bà Nguyễn Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Hữu M.
2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND phường Trù Hựu, thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

Lương Thị Ngọc Hà